

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình
đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 460/TTr-SGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về phân cấp quản lý và bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Phạm Vũ Hồng*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3 của Quyết định;
- Đăng Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, tthuy.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



QUY ĐỊNH

**Về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ
trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12
năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ, bao gồm việc tổ chức thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đang khai thác; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

b) Quy định này không áp dụng đối với các đường đô thị trong nội ô thị xã, thành phố (được thực hiện theo Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang).

c) Các nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Yêu cầu công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ

1. Công trình đường bộ khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ phải bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt; an toàn cho người và tài sản; an toàn công trình; phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

3. Bảo trì công trình đường bộ phải thực hiện theo quy định của quy trình bảo trì, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình đường bộ được cơ quan có thẩm quyền công bố áp dụng. Tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Quy trình bảo trì công trình đường bộ được lập phù hợp với các bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, loại công trình (đường, cầu, hầm,

bến phà, cầu phao và công trình khác), cấp công trình và mục đích sử dụng công trình.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Tổ chức quản lý, khai thác công trình đường bộ

1. Việc quản lý, khai thác công trình đường bộ phải được thực hiện một cách có hiệu quả, tránh lãng phí.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

3. Thường xuyên kiểm tra theo dõi tình trạng của công trình đường bộ; quản lý lưu trữ hồ sơ tài liệu kỹ thuật có liên quan; phân loại đánh giá tình trạng kỹ thuật của công trình đường bộ.

4. Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình đường bộ đang khai thác; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu công trình đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi hiệu quả xử lý.

Điều 4. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước:

a) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh sử dụng vốn nhà nước (theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này), bao gồm: Quỹ bảo trì đường bộ trung ương, địa phương, vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, các nguồn vốn từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nguồn vốn hợp pháp.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã sử dụng vốn nhà nước (theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này), bao gồm: Quỹ bảo trì đường bộ địa phương, vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, các nguồn vốn từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nguồn vốn hợp pháp.

c) Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm bao gồm: Kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên công trình, kế hoạch sửa chữa công trình đường bộ theo từng tuyến (đoạn tuyến) và các công tác khác (nếu có). Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ phải nêu được đầy đủ các thông tin sau: Tên công trình, hạng mục công trình chủ yếu; đơn vị, khối lượng, kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên.

2. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước:

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã.

3. Trình tự, thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh:

a) Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

b) Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

4. Trình tự, thủ tục phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp và gửi Sở Tài chính thẩm định trước ngày 15 tháng 6 hàng năm.

b) Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

5. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước:

Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện để phù hợp với điều kiện thực tế. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã.

Điều 5. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống đường tỉnh:

Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm được phê duyệt, Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Đối với hệ thống đường huyện, đường xã:

Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

3. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã được thực hiện như sau:

a) Đối với công trình, bộ phận công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động thiên tai đột xuất khác, cần thiết phải tiến hành sửa chữa khẩn cấp mà không có trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải đối với đường tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường huyện, đường xã quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo an toàn giao thông và an toàn công trình;

b) Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí và phương thức thực hiện đối với các trường hợp sửa chữa đột xuất quy định tại Điểm a, Khoản này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện sửa chữa đột xuất công trình đường bộ.

Điều 6. Chế độ báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống đường tỉnh:

Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh, đồng thời tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (theo biểu mẫu tại Phụ lục II của Quy định này).

2. Đối với hệ thống đường huyện, đường xã:

Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Giao thông vận tải kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã; tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý định kỳ hàng năm trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo (theo biểu mẫu tại Phụ lục II của Quy định này).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Căn cứ Quy định này và pháp luật có liên quan, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

2. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang; tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo trì các tuyến đường tỉnh, hệ thống cầu trung (nhịp từ 25 mét trở lên) có tải trọng từ 13 tấn trở lên (hoặc lớn hơn 0,65HL93) kể cả các cầu trong đô thị theo Quy định này và các quy định của pháp luật.

3. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì, quy trình khai thác công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang theo các nội dung quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý gửi về Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí, phân bổ kinh phí bảo trì công trình đường bộ.

2. Xây dựng các cơ chế huy động các nguồn lực để tạo nguồn vốn thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường xã và đường khác trên địa bàn quản lý theo Quy định này và quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường xã theo Quy định này, quy định của pháp luật và tùy theo năng lực quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hàng năm báo cáo Sở Giao thông vận tải tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường xã theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng, khai thác công trình, quan trắc và các hoạt động khác để bảo trì công trình đường bộ

1. Thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ được giao theo Quy định này, quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc quy trình bảo trì công trình, quy trình khai thác (đối với các công trình có quy trình khai thác), nội dung quy định trong hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ.

2. Báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về tình hình quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ theo Quy định này và quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên, quy trình bảo trì và quy định khác có liên quan.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Giám đốc (Thủ trưởng) các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế thì các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

Phụ lục I

BIỂU MẪU KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ
NĂM**

Đơn vị thực hiện:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG SỐ (A+B+C)							
A	Bảo dưỡng thường xuyên							
B	Sửa chữa định kỳ (1+2)							
1	Chuẩn bị đầu tư							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình làm mới							
2	Thực hiện đầu tư							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình làm mới							
C	Công tác khác							
	CHI TIẾT							
A	Bảo dưỡng thường xuyên							
1	Tên đường bộ							
	BDTX đường							
	BDTX cầu							
	Điện chiếu sáng							
							
2	Tên đường bộ							
	BDTX đường							
	BDTX cầu							
	Điện chiếu sáng							
							



B	Sửa chữa định kỳ (I+II)							
I	Chuẩn bị đầu tư							
1	Tên đường bộ							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình làm mới							
2	Tên đường bộ							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình làm mới							
II	Thực hiện đầu tư							
1	Tên đường bộ							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình làm mới							
2	Tên đường bộ							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình làm mới							
C	Công tác khác							
	Hoạt động của đơn vị							
	Thanh tra giao thông							
	Lập quy trình bảo trì CT							
	Lập quy trình khai thác CT							
	Xây dựng định mức KT-KT							
	Cập nhật cơ sở dữ liệu							
	Quản lý hồ sơ bảo trì CT							

Ghi chú: Cột (8) Mức độ ưu tiên trong Phụ lục: Ghi mức độ ưu tiên 1 (rất cần thiết); 2 (cần thiết).

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ
(tháng/năm)**

Đơn vị thực hiện:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Những điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

KIÊN GIANG